TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ D HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 06-3-2019
V/v: tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ D HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Lệ Tuyết

Ông Hà Văn Quen

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thạch Rine – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã D Hải, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2018/TLST- DS, ngày 17 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXX-ST ngày 18/02/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Phương D, sinh năm 1970. Địa chỉ ấp GG, xã DTh, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1963 và bà Ngô Thị B, sinh năm 1966. Địa chỉ khóm PTr, p1, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2018, biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Thị Phương D trình bày: Ngày 02/4/2018 âm lịch (ngày 16/5/2018 dương lịch) bà có cho bà Ngô Thị B vay 325.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, thỏa thuận trả lãi hàng tháng, thời hạn vay 04 tháng; bà B có ký tên vào biên nhận nợ. Sau thời hạn vay 04 tháng bà B không trả nợ gốc, không đóng lãi; bà B nói mục đích vay tiền để choàng đóng tiền các hợp đồng bảo hiểm mà bà B là người

bán. Do không trả được nợ gốc, nợ lãi nên vào ngày 28/8/2018 âm lịch (ngày 07/10/2018 dương lịch) bà B ký tiếp cho bà một biên nhận nợ tiền lãi 52.000.000 đồng của số tiền vay 325.000.000 đồng và kêu bà lấy nhà đất để trừ nợ, nhưng bà B kêu giá cao hơn thực tế nên bà không đồng ý, sau đó bà B cố tình tránh mặt. Nguyên đơn bà Lâm Thị Phương D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B và ông Trần Văn L (chồng bà B) hoàn trả số tiền tổng cộng 377.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông L có trách nhiệm liên đới cùng bà B trả nợ và rút yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận (đối với số tiền 52.000.000 đồng) mà đề nghị Tòa án tính lãi suất 04 tháng theo mức lãi suất pháp luật quy định.

Bị đơn bà Ngô Thị B và ông Trần Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng tại Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bị đơn bà B và ông L vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà B và ông L là đúng theo quy định hướng dẫn tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Nguyên đơn bà Lâm Thị Phương D tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà D yêu cầu bà B hoàn trả 325.000.000 đồng nợ gốc và tính lãi trong hạn 04 tháng theo lãi suất quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận, bởi bà D cung cấp được 02 biên nhận nợ có chữ ký của bà B. Việc bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn L và rút yêu cầu về số tiền lãi theo thỏa thuận vượt quá quy định của pháp luật là tự nguyện, đề nghị Tòa án chấp nhận và đình chỉ xét xử phần bà D đã rút.

+ Kiến nghị khắc phục vi phạm: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Lâm Thị Phương D khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị B và ông Trần Văn L hoàn trả số tiền đã vay 377.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại Điều 463, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn có nơi cư trú tại khóm PTr, p1, thị xã DH nên Tòa án nhân dân thị xã DH có thẩm quyền thụ lý, giải

quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Căn cứ biên bản xác minh ngày 19/02/2019 của Tòa án nhân dân thị xã DH thì có căn cứ xác định người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú gắn với địa chỉ được ghi trong các biên nhận nợ của bị đơn bà Ngô Thị B và ông Trần Văn L là ở khóm PTr, p1, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn. Theo hướng dẫn tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì trường hợp này được coi là bị đơn bà B, ông L cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt trực tiếp cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú không rõ thời gian trở về nên Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng từ khi thụ lý, tiếp cận, công khai, giao nộp chứng cứ và hòa giải, xét xử theo Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn bà B, ông L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà B và ông L.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà D rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn L và rút yêu cầu về số tiền lãi theo thỏa thuận vượt quá quy định của pháp luật. Việc rút yêu cầu của bà D là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bà D đã rút. Nếu sau này có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác, người rút yêu cầu khởi kiện không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[4] Nguyên đơn bà D khởi kiện bà B số tiền vay 377.000.000 đồng (trong đó 325.000.000 đồng nợ gốc và 52.000.000 đồng nợ lãi), bị đơn bà B, ông L được Tòa án thông báo, tống đạt hợp lệ để tham gia tố tụng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nhưng Tòa án không nhận được ý kiến phản đối của bị đơn. Nguyên đơn bà D cung cấp cho Tòa án hai biên nhận nợ có chữ ký của bà B, từ đó Tòa án xét thấy bà D đã có đủ chứng cứ để chứng minh bà B có vay và có nhận của bà D số tiền 325.000.000 đồng nợ gốc và chưa trả lãi là có thật.

[5] Xác định kỳ hạn của hợp đồng vay: Theo nội dung trong biên nhận nợ ngày 02/4/2018 âm lịch (ngày 16/5/2018 dương lịch) đối với số tiền 325.000.000 đồng thì không có ghi thời hạn trả nợ, không ghi mức lãi suất thỏa thuận bao nhiêu (bỏ trống) nên không có căn cứ xác định hợp đồng vay này là có kỳ hạn hay không có kỳ hạn theo thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án, theo bà D trình bày thời hạn cho vay là 04 tháng, khi đến hạn trả nợ bà B không trả được nợ gốc và nợ lãi nên bà B mới ký nhận nợ tiền lãi bằng 52.000.000 đồng vào ngày 28/8/2018 âm lịch (ngày 07/10/2018 dương lịch). Như

vậy, giao dịch cho vay giữa bà D với bà B có nội dung phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Tòa án xác định hợp đồng vay giữa bà D với bà B là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

[6] Xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản: Theo bà D xác định lãi suất cho vay thỏa thuận 4%/tháng (48%/năm) và yêu cầu bên vay trả lãi 04 tháng bằng 52.000.000 đồng (325.000.000 đồng x 4%/tháng x 4 tháng). Theo quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất vay do các bên thỏa thuận, nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Như vậy, lãi suất theo thỏa thuận như bà D trình bày là vượt quá lãi suất giới hạn 20%/năm nên mức lãi suất vượt quá 28%/năm (48%/năm - 20%/năm) không có hiệu lực và lãi, lãi suất cho vay được tính lại như sau: Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = nợ gốc chưa trả 325.000.000 đồng x 20%/năm (là lãi suất giới hạn, vì thỏa thuận 48%/năm là vướt quá giới hạn) x 4 tháng (thời gian chưa trả lãi trên nợ gốc) = 21.666.667 đồng.

[7] Về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: Hợp đồng vay giữa bà D với bà B là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Khi đến hạn, bà B không trả nợ gốc, nợ lãi là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, việc bà D khởi kiện yêu cầu bà B có trách nhiệm trả nợ gốc, nợ lãi mà không yêu cầu ông L liên đới trả nợ là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 177, 227, 228và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Phương D yêu cầu bà Ngô Thị B hoàn trả số tiền đã vay 325.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật. Đình chỉ xét xử phần bà D rút yêu cầu đối với ông Trần Văn L và rút yêu cầu về số tiền lãi theo thỏa thuận vượt quá quy định của pháp luật.

Buộc bà Ngô Thị B có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lâm Thị Phương D số tiền vay còn nợ tổng cộng 346.666.667 đồng (trong đó nợ gốc 325.000.000 đồng, nợ lãi 21.666.667 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Ngô Thị B phải chịu 17.333.333 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lâm Thị Phương D không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.425.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019470 ngày 16/10/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã D Hải.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt, niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND thị xã D Hải;
- CCTHADS thị xã D Hải;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Truyền

HỘI THẨM	**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Hà Văn Quen- Trần Lệ Tuyết	**Nguyễn Văn Truyền**